

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2017.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu.

2. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên toà: Ông Trương Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 354/2016/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2016, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện BÐ, tỉnh BP.

2. Bị đơn: Anh Bạch Hoàng ; Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện BÐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Hoàng ;

Về con chung: Chị và anh có 01 con chung là Bạch Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 25/8/2013; Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Bị đơn Bạch Hoàng P không hợp tác, từ chối nhận văn bản tố tụng, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD: Về tố tụng, việc Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng minh nhân + sổ hộ khẩu gia đình (bản chứng thực) của nguyên đơn; Giấy khai sinh (bản sao) của Bạch Nguyễn Hoàng T; Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) của UBND xã N chứng nhận kết hôn cho chị Nguyễn Thị T và anh Bạch Hoàng P; Biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 06/12/2016;

Các bản sao trong hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện BD do chị T khởi kiện sau đó rút đơn, gồm: Biên bản ghi lời khai của bị đơn Bạch Hoàng ngày 03/8/2015; Biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 03/8/2015; Đơn rút đơn kiện ngày 20/8/2015 của chị Nguyễn Thị T; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 45/2015/QĐST- HNGĐ ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện BD.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về quan hệ hôn nhân: Hai bên kết hôn lần đầu, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc.

Về mâu thuẫn: Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn từ đầu năm 2015, ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi, bài bạc, bỏ bê vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình,

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Bạch Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 25/8/2013.

Những vấn đề không thống nhất: Bị đơn anh Bạch Hoàng P không tham gia phiên tòa, không hợp tác trong quá trình làm việc và không cho ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, vì vậy chị T yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Chị T và anh tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện BD, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 52; Quyền số 01/2009 ngày 08/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân trong thời gian dài, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P. Bị đơn Bạch Hoàng P không hợp tác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, từ chối nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, không tham gia phiên tòa sơ thẩm, nên coi như anh tự từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ lời khai của anh và chị T trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý năm 2015; Lời khai của chị T hiện nay; Ý kiến xác nhận tình trạng hôn nhân hiện

nay giữa anh P và chị T của đại diện ban quản lý thôn 1, xã N nơi anh chị T cư trú, có cơ sở xác định: Hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, tham gia đá gà; bỏ bê không chăm sóc vợ con, gia đình; Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình, chính quyền địa hòa giải nhưng không thành; Chị T và anh P đã ly thân nhau thời gian dài nhưng cả hai bên không có thiện chí nín kéo đoàn tụ gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình.

Chị T và anh có 01 con chung là Bạch Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 25/8/2013, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Quá trình giải quyết vụ án anh không không hợp tác; Chị T có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

Về tài sản, nợ chung: Không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị T đối với bị đơn Bạch Hoàng P; Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Bạch Hoàng .

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bạch Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 25/8/2013; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 200.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020974 ngày 22/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BP.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

